

TÀI LIỆU HUẤN LUYỆN KỸ NĂNG TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

PHẦN 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

I. KHÁI NIỆM PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT:

1. Khái niệm:

Theo cách hiểu chung nhất về phổ biến, giáo dục pháp luật có hai nghĩa:

- Theo nghĩa hẹp: Phổ biến, giáo dục pháp luật là giới thiệu tinh thần văn bản pháp luật cho người có nhu cầu; theo đó phổ biến, giáo dục pháp luật là việc truyền bá pháp luật cho đối tượng nhằm nâng cao tri thức, tình cảm, niềm tin pháp luật cho đối tượng từ đó nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật của đối tượng.

- Theo nghĩa rộng: Phổ biến, giáo dục pháp luật là một khâu của hoạt động tổ chức thực hiện pháp luật, là hoạt động định hướng có tổ chức, có chủ định thông qua các hình thức giáo dục, thuyết phục, nêu gương... nhằm mục đích hình thành ở đối tượng tri thức pháp lý, tình cảm và hành vi xử sự phù hợp với các đòi hỏi của hệ thống pháp luật hiện hành với các hình thức, phương tiện, phương pháp đặc thù.

Phổ biến, giáo dục pháp luật là quá trình hoạt động thường xuyên, liên tục và lâu dài của chủ thể tuyên truyền lên đối tượng, là cầu nối để chuyển tải pháp luật vào cuộc sống. Trong công tác quản lý nhà nước, phổ biến, giáo dục pháp luật được hiểu theo nghĩa rộng và được xác định là một công việc trọng tâm và thường xuyên của các cơ quan nhà nước, các cấp, các ngành.

2. Đặc điểm

2.1. Phổ biến, giáo dục pháp luật là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng

Bản chất của hoạt động xây dựng pháp luật là thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, thể hiện ý chí của nhân dân vì vậy thực hiện pháp luật là thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Phổ biến, giáo dục pháp luật tạo ra khả năng cho việc giáo dục chính trị, hình thành ở người dân những hiểu biết nhất định về chính trị đồng thời trong quá trình giáo dục chính trị, tư tưởng có sự đan xen những nội dung, quan điểm pháp lý nhất định.

Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân đã xác định rõ phổ biến, giáo dục pháp luật là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

2.2. Phổ biến, giáo dục pháp luật có mối quan hệ chặt chẽ với công tác xây

dựng pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật

Phổ biến, giáo dục pháp luật và xây dựng pháp luật có mối quan hệ chặt chẽ, biện chứng với nhau bởi lẽ công tác xây dựng pháp luật là cơ sở cho việc hình thành, thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và ngược lại công tác phổ biến, giáo dục pháp luật là cầu nối, là một phương tiện quan trọng để đưa pháp luật vào cuộc sống.

Phổ biến, giáo dục pháp luật có tác động tích cực đến việc tổ chức, thực hiện pháp luật trên cơ sở giúp người dân có hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.

2.3. Phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm truyền đạt thông tin, nội dung pháp luật, giúp cho đối tượng tác động có hiểu biết nhất định về pháp luật, góp phần nâng cao ý thức pháp luật của đối tượng thông qua các hình thức, phương tiện, biện pháp thích hợp.

II. VỊ TRÍ, VAI TRÒ, MỤC ĐÍCH CỦA PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

1. Vị trí, vai trò của phổ biến, giáo dục pháp luật

Phổ biến, giáo dục pháp luật có vị trí, vai trò quan trọng, thể hiện rõ nét trên hai khía cạnh sau:

Thứ nhất, Phổ biến, giáo dục pháp luật góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, quản lý xã hội. Vai trò này bắt nguồn từ vai trò và giá trị xã hội của pháp luật. Một trong những vai trò cơ bản của pháp luật trong đời sống nhà nước, đời sống xã hội là: *pháp luật là cơ sở để thiết lập, củng cố và tăng cường quyền lực nhà nước*. Một nguyên lý đã được khẳng định là nhà nước không thể tồn tại thiếu pháp luật và pháp luật không thể phát huy hiệu lực của mình nếu không có sức mạnh của bộ máy nhà nước. Thông qua quyền lực nhà nước, pháp luật mới có thể phát huy tác dụng trong đời sống xã hội, phát huy vai trò quản lý Nhà nước, quản lý xã hội. Hệ thống pháp luật là “con đường”, là cái “khung pháp lý” do Nhà nước vạch ra để mọi tổ chức, mọi công dân dựa vào đó mà tổ chức, hoạt động và phát triển. Phổ biến, giáo dục pháp luật góp phần đem lại cho mọi người có trí thức pháp luật, xây dựng tình cảm pháp luật đúng đắn và có hành vi hợp pháp, biết sử dụng pháp luật làm phương tiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình quản lý Nhà nước, quản lý xã hội.

Thứ hai, phổ biến, giáo dục pháp luật góp phần nâng cao ý thức pháp luật, văn hoá pháp lý của mọi thành viên trong xã hội trong đó có học sinh, sinh viên. Trong giai đoạn hiện nay, vấn đề củng cố, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa ở nước ta đang là một vấn đề cấp thiết. Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, quản lý xã hội, thực hiện Nhà nước quản lý bằng pháp luật, mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, Đại hội Đảng lần thứ VII đã khẳng định: *“điều kiện quan trọng để phát huy dân chủ là xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, nâng cao dân trí, trình độ hiểu biết pháp luật và ý thức pháp luật của nhân dân”*. Để củng cố và tăng cường pháp chế đòi hỏi phải áp dụng nhiều biện pháp đồng bộ trong đó có

việc nâng cao trình độ văn hoá pháp lý, xây dựng ý thức pháp luật ở mỗi người dân. Chỉ khi nào trong xã hội mọi công dân đều có ý thức pháp luật, luôn tuân thủ pháp luật và có hành vi phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi của hệ thống pháp luật, mới có thể thực hiện quản lý Nhà nước, quản lý xã hội bằng pháp luật và điều này chỉ có thể hình thành và thực hiện được trên cơ sở tiến hành giáo dục pháp luật.

1.2. Mục đích của phổ biến, giáo dục pháp luật

1.2.1. Hình thành, làm sâu sắc và từng bước mở rộng hệ thống tri thức pháp luật cho đối tượng.

Thông qua phổ biến, giáo dục pháp luật, người phổ biến, giáo dục được trang bị những tri thức cơ bản về pháp luật như giá trị của pháp luật, vai trò điều chỉnh của pháp luật, các chuẩn mực pháp luật trong từng lĩnh vực đời sống.

Hình thành tri thức pháp luật là nền móng cơ bản để xây dựng tình cảm pháp luật. Trên cơ sở kiến thức pháp luật được trang bị đã hình thành mở rộng và làm sâu sắc tri thức pháp luật, giúp người học am hiểu hơn về pháp luật và biết cách đánh giá một cách đúng đắn các hành vi pháp lý. Tri thức pháp luật góp phần định hướng cho lòng tin đúng đắn vào các giá trị của pháp luật, tạo cơ sở hình thành hành vi hợp pháp ở mỗi cá nhân.

Tri thức pháp luật giúp con người điều khiển, kiềm chế hành vi của mình trên cơ sở các chuẩn mực pháp lý, tri thức pháp luật đã nhận thức được.

Các hành vi phù hợp với pháp luật chỉ được hình thành trên cơ sở nhận thức đúng, có niềm tin và có tình cảm đúng đắn đối với pháp luật.

1.2.2. Hình thành, bồi dưỡng, phát triển niềm tin pháp luật cho đối tượng.

Niềm tin vào pháp luật đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng hành vi. Lòng tin vững chắc vào pháp luật là cơ sở để hình thành động cơ của hành vi hợp pháp. Trong cuộc sống, có nhiều trường hợp những người có kiến thức pháp luật nhưng không có lòng tin vào pháp luật, sẵn sàng chà đạp lên pháp luật, lợi dụng kẽ hở của pháp luật để trục lợi. Khi con người tin vào tính công bằng của những đòi hỏi của quy phạm pháp luật thì không cần một sự tác động bổ sung nào của Nhà nước để thực hiện những đòi hỏi đó. Có lòng tin vào tính công bằng của pháp luật, con người sẽ có hành vi phù hợp với các đòi hỏi của pháp luật một cách độc lập, tự nguyện.

Niềm tin pháp luật được xây dựng trên cơ sở:

+ Giáo dục tình cảm công bằng. Nói đến pháp luật là nói đến sự công bằng. Giáo dục tình cảm công bằng là giáo dục cho con người biết cách đánh giá các quy phạm pháp luật, biết cách xác định, đánh giá các tiêu chuẩn về tính công bằng của pháp luật để tự đánh giá hành vi của mình, biết quan hệ với người khác và với chính mình bằng các quy phạm pháp luật.

+ Giáo dục tình cảm trách nhiệm là giáo dục ý thức về nghĩa vụ pháp lý. Giáo dục tình cảm trách nhiệm nhằm hình thành ý thức tuân thủ pháp luật – một nguyên tắc xử sự của công dân trong mối quan hệ với nhau và với các cơ quan Nhà nước. Giáo dục tình cảm trách nhiệm làm cho người được giáo dục nhận thức được

rằng mọi việc làm, mọi hành vi của mình phải dựa trên cơ sở pháp luật và trong khuôn khổ pháp luật cho phép.

+ Giáo dục ý thức đấu tranh không khoan nhượng đối với những biểu hiện vi phạm pháp luật, chống đối pháp luật, đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm.

1.2.3. Giáo dục ý thức nhân cách, rèn luyện thói quen, hành vi tuân thủ pháp luật cho đối tượng.

Phổ biến, giáo dục pháp luật là nhằm hình thành ý thức pháp luật trong mỗi công dân. Kết quả cuối cùng của phổ biến, giáo dục pháp luật phải được thể hiện ở hành vi xử sự phù hợp pháp luật của các công dân. Giáo dục tri thức pháp luật, bồi dưỡng niềm tin pháp luật là tiền đề để giáo dục ý thức nhân cách rèn luyện thói quen, hành vi tuân thủ pháp luật hình thành động cơ và hành vi tích cực pháp luật. Những hành vi hợp pháp của mỗi người thường biểu hiện qua các việc làm như :

+ Tuân thủ các quy phạm pháp luật. Kiểm chế không thực hiện các điều pháp luật cấm.

+ Thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ pháp lý của công dân.

+ Biết đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật; biết vận dụng pháp luật để bảo vệ lợi ích hợp pháp của cá nhân khi bị xâm phạm.

Mục đích cuối cùng của phổ biến, giáo dục pháp luật là nhằm hình thành ở mỗi thành viên xã hội ý thức pháp luật bền vững.

III. CÁC HÌNH THỨC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

1. Tiêu chí lựa chọn hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật

1.1. Tính phù hợp giữa hình thức tuyên truyền với đối tượng được phổ biến, giáo dục pháp luật

Hiểu biết và nhận thức của các đối tượng khác nhau trong xã hội là không giống nhau, do đó khi tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật cần phải xuất phát từ những yếu tố sau:

- Yêu cầu phổ biến của nội dung quy định pháp luật cần phổ biến đến đối tượng nhóm dân cư xác định;

- Trình độ văn hóa và nhận thức của đối tượng được phổ biến;

- Điều kiện kinh tế, địa lý và hoàn cảnh thực tế của đối tượng, địa bàn;

- Điều kiện năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật hiện có.

1.2. Tính khả thi của hình thức tuyên truyền với điều kiện của địa bàn thực hiện

Phổ biến, giáo dục pháp luật là hoạt động mang tính thường xuyên, lâu dài, do đó khi tiến hành tuyên truyền phổ biến pháp luật cần phải tính đến tính khả thi trong điều kiện thực tế tại địa bàn thực hiện. Cụ thể là cần quan tâm đến những yếu tố sau :

- Hình thức tuyên truyền được lựa chọn có sử dụng được các phương tiện tuyên truyền (sách, báo, đài truyền thanh...), huy động sự tham gia của lực lượng thực hiện tuyên truyền (tuyên truyền viên pháp luật, báo cáo viên pháp luật, hòa giải viên...) hiện có của địa phương không?

- Hình thức tuyên truyền lựa chọn sẽ được thực hiện ở đâu? Bao nhiêu lần?

- Điều kiện địa lý kinh tế, trang thiết bị tại địa bàn để có thể sử dụng phục vụ cho hình thức tuyên truyền đã lựa chọn có thuận tiện không?

1.3. Tính hiệu quả của hình thức tuyên truyền

- Số lượng người được tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật? Sự tham gia của đối tượng cần tập trung tuyên truyền?

- Tác động của những nội dung pháp luật tuyên truyền đối với việc thực hiện pháp luật, thực hiện các chính sách của nhà nước tại địa bàn tuyên truyền.

- Mức độ tăng, giảm của việc khiếu nại, tố cáo của công dân? Mức độ, chất lượng của công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân?

- Mức độ quan tâm của người dân tại địa bàn tuyên truyền đối với vấn đề pháp luật.

2. Các hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

Qua tổng kết việc thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật và thực hiện chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật các năm, các chương trình, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật của các cấp, các ngành trong cả nước cho thấy hiện nay có nhiều hình thức tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật được vận dụng một cách sáng tạo, hiệu quả, trong đó nổi lên một số hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật chủ yếu sau:

- Phổ biến pháp luật thông qua tuyên truyền miệng (phổ biến giáo dục pháp luật trực tiếp);

- Phổ biến pháp luật thông qua biên soạn, phát hành tài liệu pháp luật, tờ rơi, tờ gấp; Pa nô, áp phích...;

- Dạy và học pháp luật trong nhà trường;

- Tổ chức thi tìm hiểu pháp luật;

- Phổ biến pháp luật thông qua tổ chức sinh hoạt các câu lạc bộ pháp luật;

- Phổ biến pháp luật thông qua việc xây dựng và khai thác tủ sách pháp luật ở xã, phường, thị trấn; tủ sách, ngăn sách pháp luật tại cơ quan, bệnh viện, trường học;

- Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý;

- Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động hòa giải ở cơ sở;

- Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua các loại hình văn hóa, văn nghệ (đặc biệt là các loại hình sinh hoạt văn hóa truyền thống) và hình thức sân khấu;

- Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua các phiên tòa xét xử;

- Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua các trung tâm học tập cộng đồng;
- Phổ biến pháp luật thông qua tổ chức sinh hoạt ‘Ngày pháp luật’...

IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÁN BỘ LÀM CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

1. Về kiến thức pháp luật

Để làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, người cán bộ cần phải:

- Có kiến thức hiểu biết pháp luật nói chung, kiến thức xã hội rộng; hiểu biết về đối tượng tuyên truyền ; khi tuyên truyền, phổ biến pháp luật cần dự kiến trước được các tình huống, các câu hỏi người nghe đưa ra để chuẩn bị phương án trả lời thích hợp giúp cho công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đạt được hiệu quả, chất lượng tốt, đáp ứng được nhu cầu của người được tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật;

- Nắm vững những vấn đề liên quan đến lĩnh vực mà các văn bản pháp luật điều chỉnh;

- Hiểu được ý nghĩa, bản chất pháp lý của vấn đề mà các văn bản điều chỉnh, sự cần thiết phải ban hành văn bản;

- Hiểu rõ đối tượng, phạm vi, nội dung điều chỉnh của văn bản;

- Hiểu rõ ý nghĩa của các quy phạm, tác dụng điều chỉnh của từng quy phạm, các chế tài...

2. Về kỹ năng

- Kỹ năng tìm hiểu: nắm vững đối tượng bằng cách trao đổi trực tiếp hoặc dùng phiếu thăm dò;

- Kỹ năng lắng nghe: chú ý lắng nghe, không ngắt lời, tỏ thái độ quan tâm đến những vấn đề người được tuyên truyền trao đổi; tránh nói nhiều hoặc tỏ thái độ thờ ơ; khuyến khích người nghe phát biểu ý kiến;

- Kỹ năng quan sát: sử dụng các giác quan như mắt nhìn, tai nghe hoặc quan sát một cách kín đáo...

- Kỹ năng truyền đạt: sử dụng ngôn ngữ đơn giản, rõ ràng, phù hợp, kết hợp, nêu các ví dụ cụ thể, gần gũi...

- Kỹ năng động viên : dùng lời nói, ánh mắt để động viên; thông cảm với người được tuyên truyền; động viên, thu hút những người rụt rè tham gia...

3. Các yêu cầu khác:

- Có sự nhiệt tình, tâm huyết, tận tụy;

- Có khả năng nói và viết;

- Có khả năng hòa đồng và giao tiếp;

- Có kiến thức nhất định về tâm lý học tuyên truyền;

- Có hiểu biết về văn hóa, phong tục tập quán, điều kiện xã hội của mỗi địa

bản dân tộc, mỗi vùng miền nhất định.

PHẦN 2
MỘT SỐ KỸ NĂNG CƠ BẢN TRONG TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN,
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

I. KỸ NĂNG TUYÊN TRUYỀN MIỆNG

1. Khái niệm, vị trí, vai trò của tuyên truyền miệng trong các hình thức tuyên truyền pháp luật.

Tuyên truyền miệng là một hình thức tuyên truyền mà người nói trực tiếp nói với người nghe về một nội dung nào đó nhằm nâng cao nhận thức, niềm tin, ý thức cho người nghe và kích thích người nghe hành động theo mục đích của người tuyên truyền.

Như vậy, tuyên truyền miệng về pháp luật là một hình thức tuyên truyền mà người nói trực tiếp nói với người nghe về lĩnh vực pháp luật trong đó chủ yếu là các văn bản pháp luật nhằm nâng cao nhận thức về pháp luật, niềm tin vào pháp luật và ý thức pháp luật cho người nghe; kích thích người nghe hành động theo các chuẩn mực pháp luật.

Tuyên truyền miệng gắn bó chặt chẽ với nhiều hình thức tuyên truyền khác và là bộ phận không thể thiếu, không thể tách rời trong tổng thể các hình thức tuyên truyền pháp luật.

Mối quan hệ đó, gắn bó như là hai mặt một vấn đề hoặc là sự lồng ghép một cách hữu cơ tuyên truyền miệng với các hình thức tuyên truyền khác. Điều đó được thể hiện trên các mặt sau:

- Tuyên truyền miệng là một công đoạn không thể thiếu trong phần lớn các hình thức tuyên truyền pháp luật.

- Tuyên truyền miệng về pháp luật là hình thức chủ yếu thông qua hội nghị, hội thảo, tập huấn, sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật, là biện pháp chính của phổ biến, giáo dục pháp luật qua báo nói, báo hình, qua mạng truyền thanh cơ sở....;

- Tuyên truyền miệng không thể không sử dụng đến một số hình thức tuyên truyền khác như là một công cụ hỗ trợ đắc lực của mình: Để có một buổi tuyên truyền miệng về pháp luật, báo cáo viên phải soạn một đề cương mà giá trị của nó như một tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật, những hình ảnh minh họa cho buổi tuyên truyền có giá trị như phổ biến, giáo dục pháp luật bằng các hình thức sinh hoạt văn hoá văn nghệ...;

- Với mục đích tự thân của nó, tuyên truyền miệng có nhiều ưu thế. Tuyên truyền miệng là hình thức tuyên truyền linh hoạt, có thể tiến hành ở bất cứ nơi nào, trong bất kỳ điều kiện, hoàn cảnh nào với số lượng người nghe bao nhiêu. Khi thực hiện việc tuyên truyền miệng, người nói có điều kiện thuận lợi để giải thích, phân tích, làm sáng tỏ nội dung cần tuyên truyền. Do có được thông tin hai chiều nên người nói điều chỉnh được nội dung và phương pháp truyền đạt của mình để đạt hiệu quả cao hơn, có thể hỏi đáp trực tiếp để đáp ứng tối đa yêu cầu của đối tượng.

- Người nói có thể biểu lộ thái độ, tình cảm của mình trước người nghe, kết hợp lời nói với cử chỉ... để diễn đạt nội dung nên hiệu quả tuyên truyền được nâng cao và tính chính xác cao, những ưu việt đó các hình thức tuyên truyền khác không có được. Vì những lẽ đó tuyên truyền miệng giữ một vị trí quan trọng trong các hình thức tuyên truyền pháp luật.

Tuy vậy, tuyên truyền miệng cũng có những hạn chế như: không thể áp dụng đối với các đối tượng không cùng ngôn ngữ, thính giác không hoàn chỉnh. Với các đối tượng này phải có các báo cáo viên, tuyên truyền viên riêng. Lời nói không có hình dáng, màu sắc, chỉ tác động vào thính giác. Để khắc phục hạn chế này, người nói phải biết gây ấn tượng, kích thích, lôi cuốn người nghe. Người nghe phải chăm chú theo dõi, tập trung tư tưởng cao.

2. Quy mô và đối tượng của tuyên truyền miệng về pháp luật

Quy mô của tuyên truyền miệng về pháp luật rất đa dạng, đối tượng của tuyên truyền miệng về pháp luật rất phong phú. Tuyên truyền miệng về pháp luật có thể tiến hành cho đủ mọi thành phần (cán bộ, nhân dân, trí thức, công nhân, nông dân, doanh nhân, phụ lão, thiếu nhi...) trong một hội nghị lớn, trong nhóm người, thậm chí cho một người.

Theo 3 tiêu chí chính: **Đối tượng, quy mô và môi trường**, người nói cần lưu ý nghiên cứu tâm lý người nghe trong các lớp tập huấn, các buổi nói chuyện chuyên đề, các buổi họp, các buổi tuyên truyền cá biệt.

3. Phương thức tổ chức một số hình thức tuyên truyền miệng pháp luật

3.1. Mở các lớp tập huấn

Nội dung tập huấn có thể là một văn bản pháp luật kèm theo văn bản hướng dẫn thi hành hoặc nhiều văn bản pháp luật độc lập. Những văn bản pháp luật này có thể là văn bản tuyên truyền lần đầu hoặc là văn bản được tuyên truyền lặp lại. Học viên của lớp tập huấn là những báo cáo viên, biên tập viên, phóng viên, cán bộ thi hành pháp luật, cán bộ quản lý trong lĩnh vực văn bản điều chỉnh.

Ở các lớp tập huấn, giảng viên không chỉ giới thiệu về các nội dung cơ bản của văn bản mà phải đi sâu vào những vấn đề liên quan đến các lĩnh vực nghiệp vụ nhất định: thẩm quyền của các chủ thể, các biện pháp quản lý, thủ tục tiến hành các công việc. Chú trọng đổi mới phương pháp tập huấn, kết hợp phương pháp truyền thống và phương pháp hiện đại, lấy người học là trung tâm, áp dụng phương pháp tích cực, mọi người cùng tham gia, có sự trao đổi qua lại giữa học viên và giảng viên, huy động tính tích cực tham gia của học viên; giảng viên chỉ là người hướng dẫn, định hướng cho học viên vừa học lý thuyết vừa thực hành; kết hợp với các phương tiện hỗ trợ như tranh ảnh, băng hình để buổi tập huấn sinh động, người học dễ tiếp thu và biết vận dụng thành thạo trong thực tiễn.

Việc tổ chức các lớp tập huấn có thể ở quy mô lớn (vài trăm người) cũng có thể ở quy mô nhỏ (vài chục người). Lưu ý cần bố trí thời gian hợp lý để triệu tập được đúng, đủ học viên, có quy chế để việc học tập được nghiêm túc. Cũng cần tổ chức viết thu hoạch hoặc kiểm tra, tổ chức đánh giá kết quả tập huấn (qua phiếu, phỏng vấn trực tiếp...), cấp chứng chỉ để kích thích ý thức và tinh thần học tập của học viên. Về hình thức nên có trang trí, khai mạc, bế mạc để lớp học trang trọng và tăng tính hiệu quả.

3.2. Nói chuyện chuyên đề về pháp luật

Một buổi nói chuyện chuyên đề về pháp luật thường là một buổi nói về một

lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, quản lý... gắn với một số chế định, ngành luật. Một buổi nói chuyện chuyên đề thường không đóng khung trong phạm vi pháp luật, trong khuôn khổ một vấn đề khép kín mà mở ra nhiều lĩnh vực có liên quan, nhiều hướng suy nghĩ. Chính vì thế, các buổi nói chuyện chuyên đề thường thu hút được đông đảo báo cáo viên pháp luật, cán bộ nghiên cứu, cán bộ xây dựng pháp luật, cán bộ tuyên truyền pháp luật, hòa giải viên, thành viên các Câu lạc bộ pháp luật... tham gia.

Báo cáo viên trong các buổi nói chuyện chuyên đề phải là người có kiến thức chuyên ngành sâu rộng về lĩnh vực được trình bày và am hiểu pháp luật.

Khi tổ chức một buổi nói chuyện chuyên đề nói chung và chuyên đề pháp luật nói riêng, người ta thường gắn vào các sự kiện chính trị, thời sự, những ngày có ý nghĩa lịch sử...

3.3. Lồng ghép việc tuyên truyền pháp luật vào một buổi họp

Do đối tượng dự, buổi họp rất đa dạng, có thể là cán bộ, công chức; người quản lý doanh nghiệp; người lao động; người dân ở thôn, bản, tổ dân phố, cho nên tùy từng đối tượng mà người tuyên truyền lựa chọn nội dung pháp luật để lồng ghép cho phù hợp. Nội dung pháp luật được truyền tải có thể trên cơ sở kế hoạch của cấp trên hoặc có thể do cán bộ tuyên truyền đề xuất trên cơ sở tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của địa phương.

Khi lồng ghép nội dung pháp luật vào một buổi họp, điểm quan trọng nhất là cách đặt vấn đề với người nghe. Cần đặt vấn đề sao cho người nghe thấy rằng vì sự quan trọng và cấp thiết của việc tuyên truyền văn bản pháp luật lồng ghép vào hội nghị, cuộc họp này chứ không phải “nhân thể” hội nghị, cuộc họp này mà phổ biến văn bản. Nếu có thể được, người nói công bố việc tuyên truyền pháp luật là một nội dung trong chương trình cuộc họp hoặc công bố chương trình cuộc họp trước cho người dự cuộc họp. Một việc quan trọng nữa là xác định thời điểm, bối cảnh để phổ biến pháp luật sao cho hợp lý nhất để người nghe dễ tiếp thu và tạo không khí thoải mái cho người nghe. Qua đó, việc lồng ghép tuyên truyền pháp luật vào cuộc họp sẽ đạt được hiệu quả cao hơn.

3.4. Tuyên truyền miệng cá biệt

Tuyên truyền miệng cá biệt là hình thức tuyên truyền miệng về pháp luật mà đối tượng (người nghe) chỉ có một hoặc vài ba người. Nếu như tuyên truyền trong hội nghị cung cấp cho người nghe hiểu biết chung về pháp luật thì tuyên truyền cá biệt thường cung cấp cho người nghe những nội dung pháp luật cụ thể; vận dụng pháp luật trong những trường hợp, hoàn cảnh cụ thể mà người nghe đang quan tâm. Hình thức tuyên truyền này thường được sử dụng trong trường hợp người thừa hành pháp luật làm việc với đối tượng của mình; người tư vấn pháp luật hướng dẫn, giải thích cho người được tư vấn; cán bộ trợ giúp pháp lý hướng dẫn, trợ giúp pháp luật cho người được trợ giúp...

Trong tuyên truyền cá biệt, người nói thường ở vị trí “có lợi” đối với người nghe. Nhưng không vì thế mà trong khi thực hiện nhiệm vụ, người nói có thái độ áp đặt, lời nói mệnh lệnh đối với họ mà phải làm cho họ thực sự hiểu, tin, tôn trọng

pháp luật, từ đó tự giác tuân thủ pháp luật. Muốn vậy người nói phải căn cứ từng đối tượng mà có biện pháp tuyên truyền thích hợp; tìm hiểu sâu hoàn cảnh, truyền thống của gia đình họ, vận dụng đạo lý, phong tục, tập quán, mục đích, ý nghĩa của các quy phạm pháp luật để giải thích, thuyết phục họ.

Để chuẩn bị cho buổi tuyên truyền cá biệt đạt kết quả, cán bộ làm công tác tuyên truyền pháp luật cần chuẩn bị các nội dung sau đây:

- Các quy định pháp luật liên quan đến sự việc của đương sự;
- Dự kiến tình huống, câu hỏi mà đương sự có thể hỏi, chất vấn;
- Phong tục, tập quán ở địa phương, đạo lý và những kiến thức xã hội có thể phải vận dụng;
- Nhân thân đương sự: Hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật của đương sự trước đây; điều kiện, hoàn cảnh, truyền thống gia đình, nguyện vọng... của đương sự.

Khi tuyên truyền cá biệt đòi hỏi phải vận dụng kỹ năng tuyên truyền miệng hết sức tinh tế. Người nói còn phải là người nhạy cảm, tâm lý và có kinh nghiệm trong công tác này. Bên cạnh đó, để thuyết phục người nghe, tin ở pháp luật thì người nói phải thể hiện để người nghe tin mình là một cán bộ, công chức tốt (không có biểu hiện tham nhũng, cửa quyền, hách dịch, gây phiền hà, có trách nhiệm với công việc, liêm khiết...). Trong khi tuyên truyền miệng cá biệt, những quy tắc tuyên truyền hội nghị không thể áp dụng một cách cứng nhắc, thậm chí học hàm, học vị, chức vụ... của người nói không có ý nghĩa lớn đối với người nghe.

Điều quan trọng nhất là người nói phải tạo được lòng tin, sự tôn trọng của người nghe; làm sao để người nghe tin rằng vận dụng pháp luật vào điều kiện, hoàn cảnh này là hoàn toàn chính xác. Như vậy, nếu một buổi tuyên truyền pháp luật ở hội nghị nhằm đạt yêu cầu chung là nâng cao niềm tin, hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật cho người nghe bằng cách cung cấp các hiểu biết, nhận thức chung về pháp luật cho họ thì tuyên truyền cá biệt có mục đích cao hơn là thông qua việc vận dụng pháp luật vào một hoàn cảnh, sự việc cụ thể để nâng cao niềm tin, ý thức chấp hành pháp luật của người nghe. Để đạt được mục đích, yêu cầu này người nói không những phải am hiểu pháp luật, hiểu biết đời sống xã hội mà phải có sự cảm thông sâu sắc với cuộc sống của đối tượng. Đôi khi, trong quá trình tuyên truyền cá biệt người nói cần phải tâm sự chân tình, chia sẻ với người nghe về hoàn cảnh của họ; có những lời khuyên, động viên một cách chân thành, tình cảm để tạo sự tin tưởng, yêu mến của người nghe với mình. Đó là những yếu tố cơ bản để thuyết phục đối tượng.

4. Kỹ năng tuyên truyền miệng về pháp luật

a. Gây thiện cảm ban đầu cho người nghe:

Giữa người nói và người nghe, nhất là lần đầu bao giờ cũng có hàng rào tâm lý ngăn cách. Vì vậy, việc gây thiện cảm ban đầu rất quan trọng. Thiện cảm ban đầu thuộc cả nhân thân và biểu hiện của người nói khi bước lên bục tuyên truyền. Thiện cảm ban đầu tạo ra sự hứng thú, say mê của người nghe, củng cố được niềm tin về vấn đề đang tuyên truyền. Danh tiếng, phẩm chất đạo đức, học hàm, học vị,

chức vụ của người nói làm cho người nghe háo hức chờ đón buổi tuyên truyền. Dáng vẻ bề ngoài, y phục, nét mặt, cử chỉ, phong thái, lời giao đãi ban đầu đều có ý nghĩa quan trọng đối với việc gây thiện cảm cho người nghe. Đầu tóc bù xù, lúng túng trong việc sắp xếp tài liệu, sự ấp úng gây khó chịu ban đầu cho người nghe. Ngược lại, tươi cười bao quát hội trường, có lời chào mừng chúc tụng, có câu mở đầu dí dỏm, hài hước, công bố thời gian làm việc rõ ràng, thoải mái v.v.. người nói đều gây được thiện cảm ban đầu đối với người nghe.

b. Tạo sự hấp dẫn, gây ấn tượng trong khi nói:

Nghệ thuật tuyên truyền miệng là tạo sự hấp dẫn, gây ấn tượng bằng giọng nói, điệu bộ, ngôn ngữ. Giọng nói phải rõ ràng, mạch lạc nhưng truyền cảm. Hết sức tránh lối nói đều đều. Giọng nói, âm lượng phải thay đổi theo nội dung, phải nhấn mạnh vào những điểm quan trọng.

Trong một câu cần có từ, cụm từ được nhấn, điệu bộ có tác dụng kích thích sự chú ý của người nghe. Động tác, điệu bộ cần phải phù hợp với nội dung và giọng nói để nhân hiệu quả tuyên truyền của lời nói. Sắc thái có tác dụng truyền cảm rất lớn. Vẻ mặt của người nói cần thay đổi theo diễn biến của nội dung. Người nói đưa ra số liệu, sự kiện để minh họa, đặt câu hỏi để tăng thêm sự chú ý của người nghe.

Người nói cũng cần phát huy vai trò thông tin, truyền cảm của ngôn ngữ bằng cách sử dụng chính xác, đúng mức thuật ngữ pháp lý, thuật ngữ chuyên ngành và ngôn ngữ bình dân.

Việc sử dụng hợp lý, chính xác ý tứ, hình ảnh trong kinh điển, thơ văn, ca dao, dân ca vào buổi tuyên truyền pháp luật cũng làm tăng tính hấp dẫn, thuyết phục đối với người nghe.

c. Bảo đảm các nguyên tắc sư phạm trong tuyên truyền miệng:

Người nói cần tôn trọng các nguyên tắc sư phạm. Từ bố cục bài nói, diễn đạt các đoạn văn, liên kết giữa các đoạn văn, đến cách nói đều phải rõ ràng, mạch lạc, lôgic. Người nghe cần được dẫn dắt từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ gần đến xa (phương pháp suy diễn) hoặc từ xa đến gần (phương pháp quy nạp) và tùy từng vấn đề mà dùng lý luận soi sáng cho thực tiễn hoặc từ thực tiễn mà đi sâu vào lý luận. Tuy nhiên dù diễn giải rộng hay hẹp đều phải luôn bám sát trọng tâm của vấn đề.

d. Sử dụng phương pháp thuyết phục trong tuyên truyền miệng:

Có 3 phương pháp tuyên truyền là thuyết phục, nêu gương và ám thị. Tuyên truyền miệng về pháp luật chủ yếu dùng phương pháp thuyết phục với ba bộ phận cấu thành là chứng minh, giải thích và phân tích.

- **Chứng minh** là cách thuyết phục chủ yếu dựa vào các dẫn chứng xác thực để làm sáng tỏ và xác nhận tính đúng đắn của vấn đề. Các dẫn chứng đưa ra gồm số liệu, sự kiện, hiện tượng, nhân chứng, danh ngôn, kinh điển. Các dẫn chứng này phải chính xác, tiêu biểu, toàn diện và sát hợp với vấn đề cần chứng minh. Có như vậy mới có sức thuyết phục.

- **Giải thích** là việc dùng lý lẽ để giảng giải giúp người nghe hiểu rõ và hiểu

đúng vấn đề. Lập luận trong khi giải thích phải chặt chẽ, chính xác, mạch lạc, khúc triết, không ngụy biện.

- **Phân tích** là mổ xẻ vấn đề nhằm tìm được đặc điểm, bản chất, điểm mạnh, điểm yếu, điểm tốt, điểm xấu, sự phù hợp, không phù hợp.... của vấn đề. Việc phân tích phải dựa trên cơ sở khoa học, không được cường điệu mặt này, hạ thấp mặt kia, tô hồng hoặc bôi đen sự việc. Sau khi phân tích phải có kết luận, đánh giá, hướng người nghe vào định hướng tư duy đúng đắn, không làm cho người nghe hoài nghi, dao động, hoang mang.

5. Các bước tiến hành một buổi tuyên truyền miệng về pháp luật:

a. Bước chuẩn bị: gồm 5 nội dung chính sau đây:

- *Nắm vững đối tượng tuyên truyền:*

Cần phải biết là nói với ai để nói như thế nào. Vì thế có câu: Nghệ thuật tuyên truyền trước hết là nghệ thuật nắm vững đối tượng tuyên truyền. Người ta nắm vững đối tượng tuyên truyền qua các yếu tố sau đây:

- Số lượng, thành phần: trí thức, công nhân, nông dân, học sinh, thanh niên, phụ nữ, thiếu nhi, phụ lão...; trình độ văn hoá; tình hình thực hiện pháp luật ở cơ sở đó; ý thức pháp luật, nhu cầu tìm hiểu pháp luật của đối tượng.

- Có thể nắm vững đối tượng bằng phương pháp trực tiếp (tự điều tra, tìm hiểu, gặp gỡ, hỏi han, quan sát...) hoặc bằng phương pháp gián tiếp (qua các tài liệu, sách báo, báo cáo, tổng kết, trao đổi với những người làm công tác quản lý, phản ánh của người tổ chức buổi tuyên truyền...).

- *Nắm vững những vấn đề liên quan đến lĩnh vực mà văn bản điều chỉnh:*

Kỹ thuật nghiệp vụ chuyên ngành, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực đó, các tài liệu lý luận, giáo khoa, các tài liệu của nước ngoài trong lĩnh vực đó. Điều này yêu cầu người nói phải có quá trình sưu tầm, tích lũy lâu dài với một ý thức đầy đủ về công việc và lòng say mê nghề nghiệp.

- *Nắm vững nội dung văn bản. Cụ thể là:*

+ Hiểu rõ ý nghĩa, bản chất pháp lý của vấn đề được văn bản điều chỉnh, sự cần thiết phải ban hành văn bản;

+ Hiểu rõ đối tượng điều chỉnh, phạm vi điều chỉnh của văn bản;

+ Hiểu rõ ý nghĩa của các quy phạm, đặc biệt là ý nghĩa về mặt quản lý Nhà nước, về tác dụng điều chỉnh của từng quy phạm cụ thể.

Muốn vậy người nói cần nắm được các thông tin tư liệu liên quan tới văn bản, nắm vững tư tưởng, quan điểm chỉ đạo của việc ban hành các văn bản đó thông qua các nghị quyết của Đảng, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội hoặc trực tiếp hơn là qua tờ trình về việc ban hành văn bản, qua các bài xã luận, bình luận khoa học đối với văn bản. Ngoài ra, việc giới thiệu có chọn lọc ý kiến đóng góp của các chuyên gia, của những nhà hoạt động thực tiễn liên quan đến văn bản đó cũng rất cần thiết.

- Nghiên cứu các văn bản thi hành, tài liệu hướng dẫn tuyên truyền văn bản đó;
- Nắm vững hệ thống văn bản điều chỉnh lĩnh vực đó;
- Theo dõi sát quá trình dự thảo văn bản từ khi lập đề cương, qua các cuộc thảo luận, lấy ý kiến nhân dân, kết quả tiếp thu, chỉnh lý cho đến khi văn bản được ban hành.

- *Sưu tầm các tài liệu dẫn chứng, minh họa*

- *Chuẩn bị đề cương*

Đề cương cho buổi nói cần đầy đủ về nội dung, thích hợp với đối tượng, chặt chẽ về bố cục, sắc sảo về lập luận. Khi chuẩn bị đề cương cần chú ý:

- Đề cương không phải là một bài viết hoàn chỉnh.
- Lựa chọn vấn đề cốt lõi của văn bản, liên hệ với hệ thống pháp luật để làm rõ mối quan hệ của văn bản với hệ thống pháp luật;
- Để thu hút người nghe, toàn bộ các phần trong bài nói phải có mối quan hệ hữu cơ với nhau như cốt truyện của một câu chuyện: từ yêu cầu, nhiệm vụ của văn bản, dẫn đến cơ chế quản lý thế nào, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể thế nào, chế tài đối với người vi phạm ra sao... để đạt được yêu cầu nhiệm vụ của văn bản.

Có sự chuẩn bị tốt người nói sẽ có tâm trạng tự tin, thoải mái, hào hứng trước khi bước vào buổi nói chuyện.

b. Tiến hành buổi tuyên truyền miệng về pháp luật:

Một buổi tuyên truyền miệng về pháp luật thường có các phần sau:

- *Vào đề:* Nhằm giới thiệu vấn đề, khơi gợi nhu cầu của đối tượng, định hướng tư duy, khơi gợi tình cảm, thiết lập quan hệ giữa người nói với người nghe.

Với tuyên truyền miệng về pháp luật, cách vào đề có hiệu quả thường là gợi ra nhu cầu tìm hiểu ý nghĩa, sự cần thiết phải ban hành văn bản, phải có pháp luật để điều chỉnh vấn đề đang tuyên truyền.

- *Nội dung:* Là phần chủ yếu của buổi tuyên truyền, làm cho đối tượng hiểu, nắm được nội dung, chuyển biến nhận thức, nâng cao ý thức cho đối tượng. Cần lưu ý không bao giờ viết đề cương là sao chép, tóm tắt văn bản, tuyên truyền, giới thiệu pháp luật không bao giờ là đọc nguyên văn văn bản. Viết, đọc một đoạn nào đó trong văn bản chỉ có tính chất dẫn chứng, minh họa.

Trong tuyên truyền văn bản phải chú ý tới 2 điều:

- Trình bày theo cách nào là thích hợp nhất;
- Nêu những vấn đề gì là cơ bản, cốt lõi, trọng tâm để người nghe nắm được nội dung văn bản.

Đối tượng tuyên truyền, phổ biến pháp luật hết sức phong phú nhưng có thể tạm chia ra 4 loại: Cán bộ quản lý; cán bộ nghiên cứu, xây dựng văn bản, cán bộ tuyên truyền, những người phải chấp hành pháp luật.

Trên cơ sở phân loại đó mà có sự hình dung về mục đích, yêu cầu trọng tâm,

trọng điểm, phương pháp trình bày phù hợp với từng đối tượng.

- **Với cán bộ quản lý:** Tùy theo từng cấp có thể thiên về phương pháp khái quát hoặc diễn giải, thiên về lý luận hoặc thực tiễn, nhưng cần tập trung nhấn mạnh, làm rõ những quy phạm về quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước, nội dung quản lý Nhà nước, các hình thức vi phạm và mức độ xử lý, thẩm quyền xử lý, tổ chức thi hành văn bản. . .

- **Với cán bộ nghiên cứu, xây dựng văn bản:** Phương pháp khái quát thường đạt hiệu quả tuyên truyền cao vì đối tượng này thường quan tâm đến những quan điểm, những vấn đề lý luận chứa đựng trong văn bản. Ngoài ra cần làm rõ: văn bản đã đáp ứng được những nhu cầu thực tiễn nào, những gì chưa đáp ứng được, những gì đã thống nhất, những gì tồn tại, văn bản nào sẽ được ban hành tiếp, vị trí của văn bản này trong hệ thống các văn bản thuộc lĩnh vực văn bản điều chỉnh...

- **Với cán bộ tuyên truyền** (gồm báo cáo viên, tuyên truyền viên, phóng viên, biên tập viên): có thể dùng phương pháp khái quát hoặc diễn giải tùy theo hình thức văn bản nhưng cần nhấn mạnh bản chất, ý nghĩa pháp lý của vấn đề, sự cần thiết, mục đích của việc ban hành văn bản, những số liệu, tài liệu cần viện dẫn, đối chiếu, so sánh, các vấn đề chủ yếu cần tập trung phổ biến, tuyên truyền.

- **Với những người phải chấp hành pháp luật:** Dùng phương pháp diễn giải là phù hợp. Cần nêu bản chất, ý nghĩa của vấn đề, mục đích, sự cần thiết phải ban hành văn bản, ý nghĩa của các quy phạm liên quan đến từng đối tượng thi hành trong văn bản. Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong quan hệ xã hội được văn bản điều chỉnh, cơ chế thực hiện quyền khiếu nại, khởi kiện, thời hiệu khiếu nại, khởi kiện v.v..

- *Phần kết luận:*

Người nói thường điểm lại và tóm tắt những vấn đề cơ bản đã tuyên truyền. Tùy từng đối tượng mà nêu những vấn đề cần lưu ý đối với họ.

- *Trả lời câu hỏi của người nghe:* Cần dành thời gian cần thiết trả lời các câu hỏi mà người nghe quan tâm, chưa hiểu rõ.

Tóm lại, hiệu quả của tuyên truyền miệng về pháp luật phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố. Để đạt hiệu quả tuyên truyền cao, người tuyên truyền phải dày công tích lũy, chuẩn bị đề cương, phải có nghệ thuật phá hàng rào ngăn cách ban đầu về mặt tâm lý gây thiện cảm, gây sự chú ý của người nghe từ khi bắt đầu buổi nói chuyện; phải biết tạo nhu cầu, kích thích, hấp dẫn, gây ấn tượng cho người nghe trong suốt buổi nói; biết kết luận đúng cách để khi kết thúc còn để lại những điều cần thiết cho người nghe tiếp tục suy nghĩ.

6. Xây dựng kế hoạch tổ chức một buổi tuyên truyền miệng

Người làm công tác tuyên truyền pháp luật thường phải xây dựng kế hoạch tổ chức những buổi tuyên truyền về pháp luật để:

- Trình người lãnh đạo trực tiếp phê duyệt;
- Thông báo cho các đơn vị liên quan (nếu có);

- Thông báo cho báo cáo viên những điểm cần thiết khi cán bộ tuyên truyền pháp luật mời người khác nói;

Yêu cầu đối với bản kế hoạch là: đầy đủ, cụ thể, rõ ràng, ngắn gọn.

Nội dung bản kế hoạch ngoài phần tiêu đề phải có những nội dung chính sau đây:

- Mục đích;

- Đối tượng: thành phần, số lượng, đặc điểm của đối tượng về giới tính, nghề nghiệp, độ tuổi...;

- Nội dung;

- Thời gian, địa điểm;

- Báo cáo viên;

- Công tác chuẩn bị;

- Kinh phí.

Khi xây dựng kế hoạch, cán bộ làm công tác tuyên truyền phải luôn luôn gắn với điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị. Ví dụ: khi đề ra mục đích tuyên truyền cần phải gắn với việc góp phần khắc phục những mặt yếu kém về quản lý, giảm tình trạng vi phạm pháp luật... ở địa bàn.

II. KỸ NĂNG BIÊN SOẠN ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN PHÁP LUẬT

1. Một số vấn đề chung

1.1. Khái niệm đề cương

Đề cương tuyên truyền văn bản pháp luật là tài liệu dùng để tuyên truyền, giải thích, hướng dẫn, phổ biến một văn bản pháp luật, một vấn đề pháp lý mà người sử dụng có thể dựa vào đó để nghiên cứu nội dung văn bản, các trọng tâm cần tập trung tuyên truyền, phổ biến văn bản hoặc để biên soạn các tài liệu tuyên truyền khác một cách cụ thể, sát hợp, sinh động, phù hợp với bối cảnh, đối tượng nhưng vẫn đảm bảo cho đối tượng hiểu chính xác nội dung văn bản và thực hiện thống nhất. Mặt khác, đề cương tuyên truyền còn có nhiệm vụ hướng dẫn, chỉ đạo việc tổ chức triển khai tuyên truyền văn bản pháp luật phù hợp với từng loại đối tượng, trên từng địa bàn.

1.2. Sự cần thiết phải xây dựng đề cương tuyên truyền pháp luật

Nhiệm vụ cơ bản của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật là làm cho mọi ngành, mọi cấp, mọi cơ quan, tổ chức, mọi công dân đều hiểu biết pháp luật để nâng cao ý thức pháp luật cho cán bộ, nhân dân. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được triển khai ở nhiều ngành, nhiều cấp, bằng nhiều hình thức, biện pháp khác nhau. Yêu cầu xuyên suốt trong quá trình triển khai là mọi người phải hiểu đúng các quy định của pháp luật để từ đó vận dụng một cách thống nhất, vì vậy họ phải nắm bắt được tư tưởng chủ đạo của văn bản trước khi nắm văn bản, những vấn đề cốt lõi khi xây dựng văn bản quy định những vấn đề gì, quy định như thế nào và tại sao lại quy định như vậy. Việc xây dựng một quy phạm pháp luật, một

văn bản quy phạm pháp luật luôn bị chi phối bởi rất nhiều yếu tố: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, khoa học, kỹ thuật, tài chính, phong tục, truyền thống, trình độ dân trí... Vì vậy, chỉ với những tài liệu, kiến thức đã tích lũy được trong quá trình lâu dài và cả những gì nắm được trong quá trình dự thảo văn bản, với trình độ pháp lý và kinh nghiệm nghề nghiệp nhất định, người viết đề cương mới thu tóm được tinh thần văn bản đưa vào đề cương.

Đề cương tuyên truyền văn bản pháp luật còn có tác dụng hướng dẫn chỉ đạo việc triển khai tuyên truyền văn bản. Vì vậy, viết đề cương tuyên truyền văn bản pháp luật bao giờ cũng giữ một vị trí quan trọng trong công tác chỉ đạo và tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật.

1.3. Đối tượng sử dụng đề cương

Đối tượng sử dụng đề cương tuyên truyền rất đa dạng, thường là các báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật, phóng viên báo đài, cán bộ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của các cơ quan tư pháp và cán bộ làm công tác pháp chế của các bộ, ngành, đoàn thể và các doanh nghiệp.

1.4. Yêu cầu của việc xây dựng đề cương

Xây dựng đề cương tuyên truyền pháp luật cần bảo đảm các yêu cầu cơ bản sau:

Về hình thức: Bố cục đề cương phải rõ ràng, chặt chẽ, hợp lý. Ngôn ngữ được sử dụng trong đề cương phải là ngôn ngữ đại chúng, cách hành văn giản dị, trong sáng, dễ hiểu. Diễn đạt phải mạch lạc, súc tích, ngắn gọn.

Về nội dung: Đề cương phải tạo điều kiện cho người sử dụng hiểu đúng mục đích, ý nghĩa của việc ban hành văn bản pháp luật, hiểu chính xác quy định của pháp luật, nắm được nội dung chính, những vấn đề trọng tâm của văn bản pháp luật, cách vận dụng văn bản trong các quan hệ pháp luật.

Về thời gian: Để đảm bảo tính thời sự của văn bản, đề cương tuyên truyền cần được biên soạn và cung cấp kịp thời cho các đối tượng để tổ chức triển khai tuyên truyền, phổ biến trước ngày văn bản có hiệu lực pháp luật, tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện và áp dụng pháp luật được thống nhất.

1.5. Yêu cầu đối với người viết đề cương

Để đề cương tuyên truyền văn bản pháp luật có chất lượng, yêu cầu người viết đề cương tuyên truyền pháp luật cần đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- *Có trình độ pháp lý nhất định.* Chất lượng của đề cương tuyên truyền pháp luật phụ thuộc nhiều vào trình độ pháp luật của người viết đề cương, vì thế để đảm bảo yêu cầu tối thiểu của đề cương, người viết đề cương phải được đào tạo về pháp luật hoặc có nhiều năm công tác thực tiễn trong lĩnh vực đó.

- *Nắm vững nội dung văn bản.* Người viết đề cương tuyên truyền pháp luật có thể là người trực tiếp tham gia vào quá trình soạn thảo, cho ý kiến hoặc thẩm định nội dung văn bản pháp luật đó, thì họ chính là người hiểu rõ nhất những nội dung quan trọng và những vấn đề cốt lõi của văn bản pháp luật (như đối tượng, phạm vi điều chỉnh). Trong trường hợp, người viết đề cương tuyên truyền không

phải là người trực tiếp tham gia vào quá trình soạn thảo, cho ý kiến hoặc thẩm định nội dung văn bản pháp luật đó, thì cần phải tìm hiểu và nắm vững nội dung của văn bản đó trước khi viết đề cương.

- *Hiểu sâu sắc vấn đề mà văn bản pháp luật điều chỉnh.* Để đáp ứng yêu cầu này, người viết đề cương phải nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng về các vấn đề cần nêu, các văn bản gốc và các văn bản có liên quan khác nếu có, tìm hiểu pháp luật của nước ta trước đây và pháp luật của nước ngoài quy định về vấn đề đó, các tài liệu, lý luận, giáo khoa và đôi khi phải tìm hiểu cả về mặt kỹ thuật nghiệp vụ trong lĩnh vực đó.

- *Hiểu rõ đối tượng sử dụng đề cương.* Đối tượng sử dụng đề cương tuyên truyền pháp luật thường là cán bộ làm công tác tuyên truyền của các ngành, các cấp; báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật của các cơ quan, đơn vị, tổ chức và đội ngũ phóng viên, biên tập viên của các cơ quan thông tin đại chúng chuyên viết về pháp luật để từ đó người viết đề cương tuyên truyền có cách viết cho phù hợp với trình độ, nghề nghiệp, tâm lý lứa tuổi...

- *Nắm vững tình hình kinh tế - xã hội, phong tục, tập quán, truyền thống ...* tình hình vi phạm pháp luật và yêu cầu quản lý về từng lĩnh vực. Do đó, người viết đề cương tuyên truyền cần phải tích lũy tài liệu, kiến thức, bám sát thực tế cuộc sống, có quan hệ phối hợp rộng rãi với các cơ quan ban, ngành.

- Có vốn ngôn ngữ phong phú, lối hành văn giản dị, trong sáng, súc tích, dễ hiểu, dễ nhớ và dễ vận dụng.

2. Nội dung cơ bản của Đề cương

Đề cương tuyên truyền một văn bản pháp luật thường bao gồm 3 phần chính sau đây:

Phần 1. Những vấn đề chung

Phần này thường nêu sự cần thiết, mục đích, ý nghĩa của việc ban hành văn bản. Phần này cũng cần nêu nguồn gốc pháp lý của văn bản (xuất phát từ Hiến pháp, Luật hoặc các văn bản quy phạm khác), vị trí, vai trò của văn bản trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội.

Quan điểm và những nguyên tắc chỉ đạo việc xây dựng văn bản pháp luật; tư tưởng chủ đạo và yêu cầu của công tác quản lý nhà nước, quản lý xã hội trong đời sống hàng ngày và yêu cầu của chính sách đối ngoại của Đảng và nhà nước ta.

Phần 2. Giới thiệu văn bản

Một trong những yêu cầu vô cùng quan trọng của đề cương tuyên truyền là giúp đối tượng nắm bắt một cách khái quát về nội dung của văn bản đó mà không thể đi sâu giới thiệu hết các chương, các điều của văn bản đó. Vì vậy phần đầu của đề cương phải giới thiệu bố cục của văn bản với nguyên văn tên các phần, chương, mục để người đọc khái quát được nội dung của văn bản pháp luật đó.

Giới thiệu bố cục văn bản: số chương, tên các chương, số điều trong chương để người sử dụng có thể hình dung khái quát nội dung văn bản.

Nội dung chủ yếu của văn bản:

- Nhiệm vụ của văn bản;
- Đối tượng điều chỉnh, phạm vi điều chỉnh của văn bản;
- Những nguyên tắc chung chi phối các quy định trong văn bản;
- Những vấn đề được đề cập trong nội dung văn bản, ý nghĩa các quy phạm, chế định trong văn bản;
- Những điểm mới trong văn bản so với pháp luật hiện hành, những điểm sửa đổi, bổ sung, lý do sửa đổi, bổ sung, ý nghĩa của việc sửa đổi, bổ sung. Khi cần thiết có thể nêu một số vấn đề gây tranh luận, những vấn đề đang tồn tại;
- Quyền, nghĩa vụ của các chủ thể và những người có liên quan, các quy định, thủ tục phải thực hiện;
- Vị trí của văn bản trong hệ thống pháp luật hiện hành, các văn bản sẽ ban hành kèm theo (nếu có).

Phần 3. Tổ chức thực hiện

Đây là phần hướng dẫn người sử dụng đề cương chủ yếu là các báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật, các cơ quan thông tin đại chúng. Trong phần này cần làm rõ các vấn đề:

- Nêu trọng tâm, trọng điểm tuyên truyền, gắn tuyên truyền văn bản với việc thực hiện những chủ trương lớn, những vấn đề thời sự và yêu cầu quản lý của ngành, của địa phương;
- Đưa ra các gợi ý về biện pháp tổ chức thực hiện, phương pháp và hình thức tuyên truyền đối với từng loại đối tượng, từng địa bàn căn cứ vào nhu cầu của đối tượng và điều kiện kinh tế xã hội của địa phương; đặc biệt là tập trung quan tâm đến đối tượng cần chú trọng tuyên truyền;
- Phương hướng phối hợp giữa ngành tư pháp, các ngành hữu quan và các cơ quan thông tin đại chúng trong việc tổ chức tuyên truyền văn bản.

Phần 4. Phụ lục (nếu có)

Trong điều kiện có thể, đề cương tuyên truyền văn bản pháp luật nên có các tài liệu tham khảo kèm theo bao gồm các số liệu, các trích dẫn để khẳng định, chứng minh, so sánh, mở rộng những vấn đề đã nêu trong đề cương nhằm giúp cho đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền pháp luật; báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật ở các cấp, các ngành có điều kiện tham khảo, dẫn chứng khi thực hiện các hoạt động tuyên truyền pháp luật cho cán bộ và nhân dân.

3. Các bước cần thiết để viết Đề cương

Để viết được một đề cương tuyên truyền văn bản pháp luật hoàn chỉnh và có chất lượng, thường được tiến hành qua các bước sau:

Bước 1: Chuẩn bị

- Nghiên cứu văn bản pháp luật mới ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung.

- Thu thập và nghiên cứu kỹ các tài liệu có liên quan trong quá trình xây dựng văn bản như: tờ trình về việc ban hành văn bản; báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp cho dự thảo văn bản; các văn kiện của Đảng, chính sách của nhà nước; các tài liệu trong nước và nước ngoài liên quan đến nội dung văn bản để nắm được xuất xứ của văn bản (nếu là văn bản ban hành lần đầu), văn bản gốc và yêu cầu thực tế khách quan liên quan đến những nội dung cần sửa đổi, bổ sung (đối với văn bản sửa đổi, bổ sung).

- Tìm hiểu đối tượng sử dụng, mục đích sử dụng đề cương để đưa ra các hướng dẫn, chỉ đạo cách thức, biện pháp tuyên truyền thích hợp.

- Nghiên cứu tình hình kinh tế xã hội, phong tục, truyền thống, tình hình vi phạm pháp luật, yêu cầu quản lý về lĩnh vực đề cập trong văn bản, để phân tích các vấn đề nêu ra trong văn bản đã đáp ứng được những đòi hỏi của xã hội và yêu cầu của công tác quản lý trong lĩnh vực đó.

Bước 2: Biên soạn đề cương.

Trước khi viết một đề cương hoàn chỉnh, thường xây dựng bố cục đề cương chi tiết. Sau khi lãnh đạo thông qua bố cục đề cương, có thể:

- Trực tiếp biên soạn bằng cách dựa trên cơ sở đề cương chi tiết và các tài liệu đã được nghiên cứu để viết đề cương tuyên truyền văn bản pháp luật.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tham gia soạn thảo văn bản đề nghị viết theo bố cục đề cương chi tiết.

Bước 3: Biên tập đề cương.

Bước 4: Hoàn chỉnh, in ấn và gửi cho các đối tượng sử dụng

III. KỸ NĂNG BIÊN SOẠN TỜ GẤP PHÁP LUẬT

1. Khái niệm, vị trí, vai trò của tờ gấp pháp luật

1.1. Khái niệm: Tờ gấp tuyên truyền pháp luật là một loại tài liệu tuyên truyền pháp luật được biên soạn một cách ngắn gọn, rõ ràng trên khuôn khổ một tờ giấy nên dễ dàng, thuận tiện trong sử dụng, là một trong những hình thức tuyên truyền pháp luật hiệu quả.

1.2. Đối tượng sử dụng: So với các loại tài liệu phổ biến pháp luật khác như đề cương tuyên truyền văn bản pháp luật, bản tin... thì tờ gấp pháp luật có đối tượng sử dụng rộng rãi hơn, từ cán bộ, công chức, người lao động, người sử dụng lao động, học sinh, sinh viên cho đến toàn thể nhân dân.

1.3. Ưu điểm của tờ gấp pháp luật:

- Tờ gấp pháp luật hấp dẫn người đọc bằng hình thức thể hiện: in nhiều màu, có tranh ảnh minh họa, trình bày ngắn gọn, rõ ràng...

- Đầy đủ, chính xác, cụ thể về nội dung của vấn đề đưa vào tờ gấp tuyên truyền pháp luật như: những điều cấm, những điều được làm, nên làm, quy chế, thủ tục tiến hành công việc, chức năng, thẩm quyền của các cơ quan hữu quan trong một lĩnh vực nào đó...

- Thuận tiện cho việc sử dụng.

1.4. Một số hạn chế của tờ gấp pháp luật:

- Nội dung ngắn nên hạn chế về lượng thông tin.
- Giá trị sử dụng không được lâu bằng các tài liệu pháp luật khác.

2. Những kỹ năng chủ yếu trong việc làm tờ gấp tuyên truyền pháp luật.

2.1. Biên soạn nội dung

- Căn cứ vào nhu cầu và đối tượng sử dụng, người được giao nhiệm vụ có trách nhiệm lựa chọn những nội dung pháp luật phù hợp với từng đối tượng để đưa vào tờ gấp.

Ví dụ: Tờ gấp tuyên truyền về quyền và nghĩa vụ của người lao động theo quy định của Bộ luật lao động. Có thể được chia thành:

Phần chung: Quyền và nghĩa vụ của người lao động

Phần riêng: Quyền và nghĩa vụ của người lao động nữ, lao động chưa thành niên, lao động là người cao tuổi...

- Cách thức thể hiện nội dung vào tờ gấp:

- + Hỏi - đáp trực tiếp.
- + Trả lời gián tiếp thông qua các tình huống pháp luật.

2.2. Xác định khuôn khổ của tờ gấp

Kích thước của tờ gấp được hiểu là chiều dài và chiều rộng của tờ gấp khi tờ gấp ở trạng thái trải ra hoàn toàn. Kích thước của tờ gấp phụ thuộc vào nội dung tờ gấp.

Nên ưu tiên tờ gấp có kích thước bằng khổ giấy A4, vì có thể dùng tờ gấp này làm tờ mẫu photô nhân bản trên giấy A4 phát rộng rãi cho đối tượng tuyên truyền. Từ kích thước tờ gấp người ta dễ dàng chọn được số bình cho tờ gấp sao cho khi gấp lại tờ gấp có hình dáng sát với hình chữ nhật tiêu chuẩn. Ví dụ: tờ gấp khổ A4 khi gấp lại được 3 bình với kích thước 21 x 10.

2.3. Bố cục tờ gấp (lên ma kết) :

Bố cục tờ gấp gồm bố cục bìa, phần nội dung cho các trang, tranh ảnh, ảnh cho các trang, đặt tit của tờ gấp, tit của từng phần, chọn chữ, chọn màu và phân bố, làm vi-nhét cho từng trang.

Nếu coi tờ gấp có mặt trong, mặt ngoài và đánh số 1 vào trang đầu của mặt trong rồi lần lượt từ trong ra ngoài thì thường gấp tờ gấp sao cho trang cuối cùng là bìa trước, trang áp cuối là bìa sau. Tuy nhiên, với cách gấp khác hoặc với tờ gấp 5 bình, 7 bình thì việc xác định bìa trước, bìa sau có thể thay đổi. Bìa trước ghi tên của tờ gấp và tranh hoặc ảnh nhằm gây ấn tượng về chủ đề của tờ gấp. Bìa sau cũng có tác dụng làm tăng tính thẩm mỹ tờ gấp bằng những khẩu hiệu, danh ngôn, tranh, ảnh...

Khi phân nội dung cho các trang, cố gắng để mỗi trang thể hiện được một phần nội dung của tờ gấp và giữa các phần có thứ tự logic với nhau. Tit của từng

phần có thể theo tên chương, mục của văn bản hoặc tự đặt sát với nội dung của nó. Việc trám tranh, ảnh vào các trang không những gây ấn tượng về nội dung mà còn làm tăng tính hấp dẫn của tờ gấp. Việc thay đổi kiểu chữ, cỡ chữ, chọn màu, phân bố màu, làm vi nhét cho tờ gấp... là những việc có tính chất mỹ thuật; nếu có điều kiện nên mời họa sĩ tham gia để tờ gấp được trình bày đẹp và hợp lý.

3. Tổ chức làm tờ gấp tuyên truyền pháp luật

3.1. Xây dựng kế hoạch làm tờ gấp tuyên truyền pháp luật.

Thông thường việc làm tờ gấp tuyên truyền pháp luật phải được đưa vào kế hoạch công tác năm của cơ quan, đơn vị. Trên cơ sở các văn bản pháp luật mới được Quốc hội thông qua, văn bản của địa phương, nhu cầu tuyên truyền, phổ biến pháp luật của ngành, địa phương, gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và chủ trương tăng cường quản lý trong ngành hoặc địa phương.

Tờ gấp tuyên truyền pháp luật cũng có thể phát hành để tuyên truyền, phổ biến lại một văn bản, hoặc phát hành đột xuất khi nhiệm vụ chính trị yêu cầu.

Cơ sở để làm tờ gấp tuyên truyền pháp luật là bản kế hoạch được lãnh đạo cơ quan, đơn vị phê duyệt.

Nội dung bản kế hoạch này gồm:

- Mục đích, yêu cầu, ý nghĩa và sự cần thiết phải phát hành tờ gấp tuyên truyền pháp luật.
- Đối tượng sử dụng.
- Nội dung tờ gấp (đề cương chi tiết).
- Hình thức thể hiện.
- Các thông số cơ bản của tờ gấp: kích thước, số bình, số tranh ảnh trám vào tờ gấp, số màu sử dụng, số phát hành...
- Tổ chức triển khai kế hoạch (phân công người biên soạn, người biên tập, duyệt nội dung).
- Tiến độ, thời gian và kinh phí thực hiện.

3.2. Thiết kế tờ gấp tuyên truyền pháp luật

Sau khi đã hoàn chỉnh nội dung của tờ gấp, người được giao nhiệm vụ có trách nhiệm thực hiện một số công việc sau:

- Liên hệ với họa sĩ để thiết kế mẫu tờ gấp.
- Trình lãnh đạo cơ quan, đơn vị duyệt mẫu tờ gấp.

3.3. Làm các thủ tục xuất bản tờ gấp tuyên truyền pháp luật:

Mẫu tờ gấp sau khi được phê duyệt, người được giao nhiệm vụ cần tiến hành một số công việc sau:

- Xin giấy phép xuất bản.

- Ký hợp đồng với nhà in, theo dõi việc in ấn.
- Nộp lưu chiếu theo quy định của pháp luật.

3.4. Tổ chức phát hành tờ gấp tuyên truyền pháp luật

Việc tổ chức phát hành tờ gấp cần căn cứ vào yêu cầu, mục đích và đối tượng cần tuyên truyền đã được xác định trong kế hoạch. Việc phát hành tờ gấp có thể gửi trực tiếp cho đối tượng thụ hưởng hoặc thông qua cơ quan, tổ chức để cấp phát cho đối tượng.

IV. KỸ NĂNG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

1. Sự cần thiết xây dựng Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật

Xây dựng kế hoạch là việc đề ra một cách có hệ thống những công việc dự định làm trong một thời gian nhất định, với cách thức, trình tự, thời hạn tiến hành cụ thể.

Xây dựng Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật là khâu đầu tiên của hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật, là cơ sở để tổ chức triển khai hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật một khoa học, hiệu quả.

Kết quả của từng lĩnh vực công tác từng hoạt động phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố khác nhau, trong đó có một phần không nhỏ là việc lập kế hoạch triển khai các mặt công tác và hoạt động đó. Việc xây dựng kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật là xuất phát từ chính những đặc thù của công tác này, cụ thể:

Thứ nhất, đối tượng cần được phổ biến, giáo dục pháp luật rất đa dạng, trong đó có cán bộ, công chức và nhân dân với trình độ văn hóa, nghề nghiệp, điều kiện kinh tế-xã hội khác nhau;

Thứ hai, phổ biến, giáo dục pháp luật được xác định là nhiệm vụ của toàn hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Chính vì vậy, để công tác phổ biến, giáo dục pháp luật có hiệu quả đòi hỏi phải có sự tham gia phối hợp của các cấp, các ngành. Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân đã nhấn mạnh: “*Bộ, ngành nào chủ trì dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thì bộ, ngành đó phải chịu trách nhiệm chính về việc phổ biến và thực hiện văn bản pháp luật đó trong cán bộ, công chức của bộ, ngành mình; đồng thời có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp, các đoàn thể ở Trung ương và chính quyền các cấp triển khai phổ biến giáo dục pháp luật cho cán bộ và nhân dân*”.

Thứ ba, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đòi hỏi tính tổ chức cao, cần được triển khai kịp thời, thường xuyên, liên tục và yêu cầu kết hợp giữa việc triển khai đại trà với thực hiện có trọng tâm, trọng điểm.

Một trong những yêu cầu đầu tiên để một văn bản nào đó được thực thi trong cuộc sống là văn bản đó phải được kịp thời phổ biến, giới thiệu đến các đối tượng chịu sự điều chỉnh của văn bản đó. Đồng thời phổ biến, giáo dục pháp luật là cả

một quá trình mà hiệu quả của nó không thể nhìn thấy ngay tức thời. Do đó, phổ biến giáo dục pháp luật phải được làm liên tục, thường xuyên với phương châm “mưa dầm, thấm lâu”. Bên cạnh đó, để góp phần giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc trong xã hội, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cũng cần tập trung vào một số nội dung và có sự ưu tiên đối với một số nhóm đối tượng, địa bàn cụ thể.

Từ những đặc thù nêu trên, có thể thấy việc xây dựng kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật là hết sức cần thiết, cụ thể là:

- Với việc xác định rõ đối tượng, nội dung, hình thức, biện pháp, tiến độ và phân công thực hiện cụ thể, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật góp phần triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được thường xuyên, liên tục, khắc phục tình trạng tùy tiện, lúc làm, lúc bỏ.

- Tạo điều kiện cho các chủ thể thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật chủ động hơn trong tổ chức công việc.

- Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật cũng là cơ sở để các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể và địa phương bố trí kinh phí cho công tác này.

- Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật là căn cứ để kiểm tra, đánh giá, khen thưởng việc thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật ở các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể và các địa phương.

2. Yêu cầu, căn cứ xây dựng Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật

2.1. Yêu cầu đối với kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật

Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật trong từng giai đoạn cần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Thứ nhất, Kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật phải có mục tiêu, giải pháp, tiến độ cụ thể, sát hợp, có tính khả thi và có hiệu quả.

Kế hoạch càng cụ thể, chi tiết, càng tạo điều kiện thuận lợi khi triển khai trên thực tế. Đồng thời trong từng giai đoạn kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật phải bám sát tình hình của bộ, ngành, địa phương, các điều kiện kinh tế-xã hội, đặc biệt là phải phù hợp với nguồn nhân lực và kinh phí cho công tác này.

Thứ hai, các nhiệm vụ đặt ra trong Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật cần phải phù hợp với tình hình thực tiễn của cơ quan, đơn vị, của ngành, địa phương; kết hợp giải quyết toàn diện các yêu cầu của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật với các vấn đề trọng tâm của ngành, địa phương.

Mục tiêu chung của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật là nâng cao hiểu biết pháp luật cho đối tượng, hình thành ở họ lòng tin vào pháp luật, tạo lập thói quen, ý thức tự giác chấp hành pháp luật và biết áp dụng thực thi pháp luật trong công việc hàng ngày cũng như sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của bản thân. Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật cần phải hướng tới việc thực hiện các mục tiêu chung đó, đồng thời cũng nhằm giải quyết những vấn đề rất cụ thể của địa phương trong giai đoạn triển khai. Ví dụ các vấn đề đền bù về đất đai, di dân, giải phóng mặt bằng, các chính sách xã hội, chính sách đối với người

có công...

2.2. Căn cứ xây dựng kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật

Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật có mục tiêu là phổ biến kiến thức cơ bản về pháp luật cho tất cả các đối tượng, phổ biến các quy định của pháp luật về các lĩnh vực liên quan đến đời sống của mọi tầng lớp nhân dân. Do vậy, ngoài việc dựa trên cơ sở đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và hệ thống văn bản pháp luật được ban hành trong từng thời kỳ, việc xây dựng kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật cần dựa trên một số căn cứ sau đây:

- Trên cơ sở Chương trình, kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật dài hạn của Chính phủ, hướng dẫn của Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ và của Bộ Tư pháp, các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch và chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong phạm vi bộ, ngành, địa phương mình.

- Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật ở các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể và địa phương cần căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ chính trị, công tác quản lý của ngành, đơn vị, địa phương cũng như điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương mình trong từng giai đoạn. Đây là căn cứ quan trọng để xây dựng kế hoạch vì hướng dẫn của cơ quan cấp trên mang tính hướng dẫn chung, trong khi ở mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương có những đặc thù riêng trong phát triển kinh tế-xã hội, mặt bằng dân trí, những vấn đề trọng tâm, trọng điểm riêng, nguồn thu ngân sách cũng rất khác nhau.

- Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được thực hiện xuất phát từ lợi ích của Nhà nước, của xã hội và của người dân. Chính vì vậy, việc xây dựng kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật nhất thiết phải dựa trên nhu cầu tìm hiểu pháp luật của đối tượng được phổ biến, giáo dục pháp luật trong từng giai đoạn. Khi thông tin pháp luật được phổ biến, giới thiệu đáp ứng được nhu cầu của đối tượng cần tìm hiểu thì công tác này sẽ mang lại hiệu quả cao hơn nhiều việc áp đặt kiến thức một chiều “dội từ trên xuống”.

2.3. Các loại kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật

- Căn cứ theo quy mô phối hợp có các loại kế hoạch như:

- + Kế hoạch của Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật;
- + Kế hoạch liên tịch phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật.
- + Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật của từng cơ quan, đơn vị

- Căn cứ thời gian thực hiện có: Kế hoạch dài hạn, Kế hoạch năm, tháng; kế hoạch theo từng đợt, từng văn bản.

Trong đó việc xây dựng kế hoạch dài hạn có ý nghĩa định hướng quan trọng cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của một giai đoạn nhất định.

* **Kế hoạch dài hạn:** là kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật với mục tiêu là phổ biến đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong từng giai đoạn phát triển đất nước. Kế hoạch này thường kéo dài trong vài năm (3-5

năm). Thực chất kế hoạch này là định hướng tập trung phát huy công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong một giai đoạn cả về nội dung hình thức, đối tượng của hoạt động phổ biến, vì vậy thường bao gồm các nội dung lớn như:

- Mục tiêu: nâng cao trình độ pháp luật cho mỗi tầng lớp nhân dân.
- Hình thức, biện pháp phổ biến, giáo dục pháp luật chính được áp dụng trong giai đoạn đó.
- Cơ chế tổ chức công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong giai đoạn đó.

Thực tế trong những năm qua cho thấy có cơ chế phối hợp tốt sẽ mang lại hiệu quả cao trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật. Do vậy cần xây dựng cơ chế phối hợp tổ chức công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

Các vấn đề cần lưu ý khi xây dựng kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật dài hạn:

+ Sự phối hợp giữa các ngành, các cấp, các tổ chức đoàn thể trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (thường được thực hiện thông qua một đầu mối chính là Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật các cấp và địa phương). Sự phối hợp này là cơ sở tạo nên sức mạnh tổng hợp có khả năng giải quyết những khó khăn, vướng mắc thường gặp trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật như nhân lực, phương tiện, tài liệu, kinh phí, địa điểm...

+ Cơ chế phân công phối hợp giữa các ngành, các cấp;

+ Vai trò chủ động của các bộ, ngành trong việc phổ biến, giáo dục các văn bản pháp luật do bộ, ngành mình chủ trì soạn thảo.

+ Vai trò hướng dẫn, chỉ đạo của ngành Tư pháp. Tổ chức công tác phổ biến, giáo dục pháp luật là trách nhiệm của tất cả các ngành, các cấp. Tuy nhiên với chức năng, nhiệm vụ của mình, cơ quan Tư pháp các cấp vừa là đầu mối phối hợp, hướng dẫn, chỉ đạo vừa trực tiếp tổ chức thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

* **Kế hoạch năm:** Để thực hiện tốt kế hoạch dài hạn, phù hợp với mục tiêu dài hạn cần phải xây dựng những kế hoạch ngắn hạn phù hợp với những mục tiêu trước mắt. Đó là những kế hoạch năm. Trên cơ sở kế hoạch dài hạn sẽ xây dựng kế hoạch của từng năm. Kế hoạch này thường bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

- Mục đích - yêu cầu;
- Nội dung công việc;
- Phân công trách nhiệm (phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện của các cơ quan, đơn vị liên quan);
- Tiến độ;
- Kinh phí.

* **Kế hoạch theo từng đợt, từng văn bản:** Để tổ chức phổ biến các văn bản pháp luật được ban hành, ví dụ Bộ luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Đất đai..., các cơ quan, tổ chức xây dựng kế hoạch phổ biến văn bản pháp luật đó tới các tầng lớp nhân dân. Nội dung của Kế hoạch này bao gồm:

- Mục đích - yêu cầu;
- Nội dung cần phổ biến;
- Đối tượng được phổ biến;
- Hình thức, biện pháp thực hiện;
- Phân công trách nhiệm (phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện của các cơ quan, đơn vị liên quan);
- Tiến độ;
- Kinh phí.

3. Quy trình xây dựng Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật

3.1. Giai đoạn chuẩn bị

Trước khi xây dựng dự thảo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, cần thực hiện một số công việc chuẩn bị sau đây:

Thứ nhất, lựa chọn loại kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật cần xây dựng.

Có nhiều loại kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật như: Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật theo thời gian, gồm: kế hoạch dài hạn (từ 3-5 năm), kế hoạch ngắn hạn (hàng năm hoặc hàng quý, hàng tháng); kế hoạch tuyên truyền một nội dung pháp luật (ví dụ tuyên truyền về bầu cử, về phòng chống ma túy, về thuế sử dụng đất nông nghiệp, về bảo vệ môi trường...) hoặc một văn bản pháp luật cụ thể (ví dụ tuyên truyền về Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Giáo dục, Luật phòng, chống bạo lực gia đình...); kế hoạch tổ chức hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cụ thể (ví dụ: Kế hoạch tổ chức thi tìm hiểu pháp luật, kế hoạch tổ chức tập huấn kiến thức pháp luật cho hòa giải viên...). Căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương để xác định loại kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật cần xây dựng.

Thứ hai, xác định căn cứ xây dựng kế hoạch.

Tuỳ thuộc vào loại kế hoạch xác định các căn cứ để xây dựng. Cụ thể là các chương trình, kế hoạch, hướng dẫn của cơ quan cấp trên trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, các yêu cầu, nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Thứ ba, xác định mức độ hiểu biết và nhu cầu tìm hiểu pháp luật của đối tượng được phổ biến, giáo dục pháp luật.

Để xác định được mức độ hiểu biết và nhu cầu tìm hiểu pháp luật của đối tượng được phổ biến, giáo dục pháp luật, có thể tiến hành khảo sát bằng việc hỏi trực tiếp hoặc phát phiếu điều tra hoặc nắm bắt thông qua việc giao tiếp hàng ngày với người dân trong giải quyết các công việc có liên quan đến hộ tịch hoặc qua hoạt động tư pháp, hòa giải ở cơ sở... Mục đích chính là để đánh giá xem đối tượng được phổ biến, giáo dục pháp luật hiểu biết pháp luật ở mức độ nào và họ cần tìm hiểu những nội dung gì để khi xây dựng kế hoạch sẽ xác định được những nội dung thích hợp với từng nhóm đối tượng.

3.2. Xây dựng Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật

a. Xây dựng dự thảo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật

- **Nội dung chính của kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật:** Mỗi loại kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật có những nội dung cụ thể khác nhau, tuy nhiên việc xây dựng những nội dung chính của kế hoạch cần đảm bảo yêu cầu sau:

+ **Mục đích, yêu cầu của kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật:** cần nêu rõ mục đích, kết quả cụ thể cần đạt được cũng như các yêu cầu đặt ra khi triển khai kế hoạch.

+ **Đối tượng tác động của kế hoạch:** cán bộ, công chức của bộ, ngành hay cán bộ, công chức trong một cơ quan, đơn vị; cán bộ, nhân dân trên địa bàn hoặc nhóm đối tượng (phụ, nữ, nông dân, thanh niên...).

+ **Nội dung pháp luật cần được phổ biến đến đối tượng:** việc xác định nội dung pháp luật cần được phổ biến đến đối tượng căn cứ vào yêu cầu chung của kế hoạch, hướng dẫn của cơ quan cấp trên và nhu cầu tìm hiểu pháp luật của đối tượng được phổ biến. Nội dung pháp luật không chỉ dừng lại ở các Luật, Pháp lệnh mà còn là các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật, Pháp lệnh, văn bản của chính quyền địa phương, tập trung vào các vấn đề liên quan đến đối tượng được phổ biến, như quyền và nghĩa vụ của đối tượng, trình tự, thủ tục, cách thức thực hiện và bảo vệ các quyền và nghĩa vụ đó.

+ **Hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật:** Trên thực tế, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được triển khai bằng nhiều hình thức khác nhau như: tuyên truyền miệng về pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua mạng lưới truyền thanh ở cơ sở; biên soạn, phát hành tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật; dạy và học pháp luật trong nhà trường; tổ chức các hình thức thi tìm hiểu pháp luật; xây dựng, quản lý và khai thác tủ sách pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật, thông qua hoạt động tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý, hoạt động hòa giải ở cơ sở, qua các phiên tòa xét xử lưu động, qua các loại hình văn hóa văn nghệ... Tuy nhiên phải xuất phát từ đối tượng được phổ biến, giáo dục pháp luật để lựa chọn hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp.

Việc lựa chọn hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật cần dựa trên một số tiêu chí như:

- Sự phù hợp với đối tượng được phổ biến (về trình độ nhận thức, điều kiện sống, phong tục, tập quán...).

- Tính khả thi trong điều kiện của cơ quan, đơn vị, địa phương (liên quan đến điều kiện, phương tiện, cơ sở vật chất hiện có và sự tham gia, hưởng ứng của đối tượng với việc thực hiện kế hoạch).

- Tính hiệu quả của việc thực hiện kế hoạch, thể hiện qua các tiêu chí: số lượng đối tượng tham gia kế hoạch; tác động của những nội dung pháp luật được phổ biến đến ý thức của đối tượng thể hiện qua tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội, việc giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp trong các quan hệ xã hội, tình hình

kiểu nại, tố cáo ở địa phương.

+ *Tiến độ (thời gian) thực hiện Kế hoạch*: Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật cần xác định thời gian các công việc đề ra. Tiến độ cụ thể vừa đảm bảo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế của cơ quan, ban, ngành, đoàn thể và địa phương và cũng là căn cứ để theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch.

+ *Biện pháp bảo đảm thực hiện*: Xác định biện pháp cách thức thực hiện phù hợp với đặc điểm cụ thể ở cơ quan, đơn vị, địa phương: có thể tổ chức các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật độc lập, cũng có thể tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật lồng ghép trong các chương trình, kế hoạch khác của bộ, ngành, địa phương như phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, các chương trình về xóa đói giảm nghèo, bảo vệ và phát triển rừng, chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường...

Phân công trách nhiệm thực hiện một cách hợp lý, rõ ràng, cụ thể cho các chủ thể thực hiện.

Hoạt động kiểm tra, giám sát; chế độ thông tin, báo cáo, sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng trong thực hiện kế hoạch cũng được xác định cụ thể.

+ *Dự toán kinh phí thực hiện*: Lập dự toán kinh phí chi tiết thực hiện kế hoạch. Kinh phí thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật có thể được ghi ngay trong kế hoạch hoặc được lập thành bảng dự toán riêng (kèm theo kế hoạch). Các nội dung chi và mức chi về phổ biến, giáo dục pháp luật thực hiện theo quy định của Bộ tài chính và theo hướng dẫn, quy định của bộ, ngành, địa phương về mức chi cụ thể. Dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch là cơ sở để các cấp ngân sách xem xét duyệt và phân bổ kinh phí cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Thể thức trình bày kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật:

Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật của cơ quan, ban, ngành, đoàn thể và của địa phương là một dạng văn bản hành chính, được trình bày theo quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

b. Tổ chức lấy ý kiến đóng góp dự thảo kế hoạch và hoàn chỉnh nội dung kế hoạch

- Dự thảo kế hoạch được đưa ra để lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị liên quan, những người sẽ trực tiếp tham gia triển khai kế hoạch sau khi được phê duyệt.

- Sau khi tổng hợp ý kiến đóng góp, hoàn chỉnh nội dung bản kế hoạch để trình phê duyệt

c. Trình lãnh đạo cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân phê duyệt kế hoạch (bao gồm kế hoạch nội dung và dự toán kinh phí thực hiện).

4. Tổ chức thực hiện Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật:

Ngay sau khi kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật được phê duyệt, các cán

bộ, bộ phận, đơn vị được phân công trong kế hoạch tổ chức thực hiện kế hoạch theo đúng đối tượng, nội dung, hình thức, biện pháp và thời gian đã xác định. Ở các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể thì tổ chức pháp chế giữ vai trò làm đầu mối phối hợp với các cơ quan, đơn vị hữu quan trong triển khai thực hiện kế hoạch. Trong kế hoạch phải xác định rõ đơn vị đầu mối phối hợp. Ở các địa phương thì cơ quan tư pháp (đối với cấp xã thì cán bộ tư pháp-hộ tịch) giữ vai trò đầu mối phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan ở địa phương triển khai thực hiện kế hoạch.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, cần chú trọng công tác kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện: cần kiểm tra xem các nội dung của kế hoạch đã được thực hiện đến đâu? Những gì còn tồn tại? Nguyên nhân, cách khắc phục. Trong trường hợp cần thiết có thể kiến nghị cấp có thẩm quyền có biện pháp phù hợp cho việc tổ chức thực hiện kế hoạch trên thực tế như: điều chỉnh kế hoạch, nội dung, tạo điều kiện về cơ sở vật chất, kinh phí, lực lượng... Đồng thời, thực hiện sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm rút ra những kinh nghiệm cần thiết để tổ chức thực hiện công tác này ngày càng tốt hơn. Trong quá trình đánh giá cũng cần chú trọng công tác khen thưởng để động viên, khích lệ những điển hình làm tốt, phát huy kết quả đã đạt được.